

Số: 622 /BVT-VTTBYT
V/v: gia hạn thời gian nhận báo giá

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thư mời báo giá số 278/TM-BVT ngày 23/01/2026 của Bệnh viện Tim Hà Nội về việc tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 1: “Vật tư ngoại khoa” thuộc dự toán mua sắm hoá chất, vật tư tiêu hao năm 2026 của Bệnh viện Tim Hà Nội;

Căn cứ Tờ trình ngày 10/02/2026 của Khoa: GMHS (Phòng Mổ) – Bệnh viện Tim Hà Nội về việc thay đổi tên và thông số kỹ thuật của một số mặt hàng;

Căn cứ Giấy ủy nhiệm số 568/UN-BVT ngày 09/02/2026 của Bệnh viện Tim Hà Nội.

Đến nay, ngày 12/02/2026, Bệnh viện Tim Hà Nội vẫn chưa nhận đủ báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam để Bệnh viện có cơ sở tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Vì vậy, Bệnh viện Tim Hà Nội gia hạn thời gian tiếp nhận báo giá (Danh mục chi tiết kèm theo) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 1: “Vật tư ngoại khoa” của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam đến hết ngày 05 /03/2026.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim Hà Nội. (Địa chỉ: 92 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Đức Giang – SĐT: 0915530003.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, tầng 4, nhà B, Bệnh viện Tim Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 30 phút ngày 23 tháng 02 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 05 tháng 03 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 03 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế: (Danh mục hàng hoá chi tiết kèm theo).

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá:

- Cơ sở 1: kho Vật tư TBYT, số 92 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội.

- Cơ sở 2: kho Vật tư TBYT, số 695 Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, Tp. Hà Nội.
- 3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I năm 2026 (tùy theo thời gian Hợp đồng ký kết).
- 4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có.

Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm Công văn này đến Bệnh viện Tim Hà Nội.

Trân trọng thông báo! *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV Tim HN;
- Lưu: VT, VTTBYT. (Nhiệm)



Phạm Như Hùng

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 622 /BVT-VTTBYT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tim Hà Nội

Trên cơ sở Công văn gia hạn báo giá của Bệnh viện Tim Hà Nội (Công văn số 622/BVT-VTTBYT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Tim Hà Nội), chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất/vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và các dịch vụ liên quan:

T	Tên hoá chất/vật tư y tế	Thông số kỹ thuật/thành phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	Hãng/Nước sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (đồng)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (đồng)	Thành tiền (VND)
1															
2															
n															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hoá chất/vật tư y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: __ ngày, kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi ngày..tháng..năm.. kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hoá chất/vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC HÀNG HOÁ GÓI THẦU SỐ 1: VẬT TƯ NGOẠI KHOA

(Kèm theo Công văn số 622 /BVT-VTTBYT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
1	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 7/0, kim cài tiển	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 7/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài ≥ 9 mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim tungsten-rhemium, độ bền kéo của kim ≥ 3000 Mpa. - Đường kính kim: ≤ 0.203 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	36	
2	Chỉ thép khâu xương ức số 5	- Chỉ thép khâu xương ức số 5 dài ≥ 45 cm, kim tròn đầu cắt dài ≥ 48 mm, 1/2 vòng tròn. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	48 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	2.304	
3	Chỉ phẫu thuật số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 70 cm, 1 kim tam giác ngược dài ≥ 25 mm phủ silicone, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đạt tiêu chuẩn EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	5.416	
4	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn dài ≥ 25 mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.559 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn EC và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	516	
5	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 6/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn dài ≤ 9.5 mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập) - Đường kính kim: ≤ 0.254 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	960	
6	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 7/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 7/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn dài ≤ 9.5 mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập) - Đường kính kim: ≤ 0.203 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	770	
7	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương, số 3/0 dài ≥ 70 cm, có chất kháng khuẩn triclosan. 01 kim tròn đầu tròn dài ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.610 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: CFG- FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	200	
8	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 0 dài ≥ 90 cm, có chất kháng khuẩn triclosan. 01 kim tròn đầu tròn dài ≥ 40 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 1.143 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: CFG- FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	2.400	
9	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 2	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 2 dài ≥ 75 cm, 1 kim tròn đầu cắt dài ≥ 45 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 1.270 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC	12 sợi/ hộp	Sợi	Nhóm nước G7	348	
10	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi, số 3/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác ngược, dài ≥ 19 mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.610 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: CE và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Châu Mỹ	816	
11	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi, số 4/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 4/0 dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác ngược, dài ≥ 19 mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.610 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Châu Mỹ	120	
12	Chỉ không tiêu khâu mạch máu số 5/0, kim ngắn	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 5/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn dài ≤ 9.5 mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập). - Đường kính kim: ≤ 0.254 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	300	
13	Chỉ không tiêu đơn sợi cỡ 4.0	Chỉ không tiêu đơn sợi chất liệu PTFE hoặc tương đương số 4/0 dài ≥ 75 cm; 2 kim 3/8 dài ≥ 13 mm	12 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	120	
14	Chỉ không tiêu đơn sợi cỡ 3.0	Chỉ không tiêu đơn sợi chất liệu PTFE hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 75 cm; 2 kim 3/8 dài ≥ 13 mm	12 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	120	
15	Chỉ khâu tự tiêu số 4/0	- Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi glyconate hoặc tương đương, số 4/0. Dài ≥ 45 cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 19mm, được làm từ thép 300, hiệu suất uốn cong cao. - Tan hoàn toàn trong vòng 56 ngày. - Đạt tiêu chuẩn EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	288	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
16	Chỉ khâu tự tiêu số 3/0	- Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi glyconate hoặc tương đương, số 3/0. Dài ≥ 65 cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 19mm, được làm từ thép 300, hiệu suất uốn cong cao. Thân được làm phẳng để tránh bị xoắn trong nếp kim. - Tan hoàn toàn trong vòng 56 ngày. - Đạt tiêu chuẩn EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	1.872	
17	Chỉ điện cực tim số 3/0	- Chỉ điện cực tim số 3/0, bằng thép không gỉ dạng xoắn, dài ≥ 60 cm. - Gồm 2 kim: 1 kim tròn 1/2 vòng tròn dài ≥ 12 mm, 1 kim thẳng dài ≥ 50 mm. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	72 Sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	4.500	
18	Miếng đệm 6mm x 3mm	- Miếng đệm phẫu thuật PTFE hoặc tương đương kích thước 6mmx3mmx1.5mm ($\pm 5\%$). - Đạt tiêu chuẩn EC.	216 miếng/ hộp	Miếng	Châu Âu	7.344	
19	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 5/0 (kim 17mm)	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 5/0, dài ≥ 85 cm. - Gồm 2 kim tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn phủ silicone, thân kim hình bán nguyệt. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	3.450	
20	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 7/0, dài ≥ 70 cm. - Gồm 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, phủ silicone, thân kim hình bán nguyệt cải thiện khả năng chống uốn kim. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	850	
21	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 6/0 (kim 10mm)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi với thành phần isotactic polypropylene hoặc tương đương đơn sợi, số 6/0, dài ≥ 60 cm - Gồm 2 kim tròn 10mm, 3/8C. Độ bền kéo nút thắt 3,5N $\geq 176\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 3,3N. Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series, phủ silicon. - Đóng gói dạng dài - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC	36 sợi/hộp	Sợi	Nhóm nước G7	828	
22	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 5/0 (kim 13mm)	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 5/0, dài ≥ 70 cm. - Gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, phủ silicone, thân kim hình bán nguyệt cải thiện khả năng chống uốn kim. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	1.368	
23	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 5/0	- Chỉ không tiêu tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi, số 5/0, dài ≥ 70 cm. - Gồm 2 kim tròn 13mm, 1/2 vòng tròn. Độ bền kéo nút thắt 7,1N $\geq 180\%$ so với giới hạn USP. Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series, phủ silicon. - Đóng gói dạng dài. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Tiêu chuẩn CE và CFG-US	36 sợi/ hộp	Sợi	Nhóm nước G7	7.416	
24	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 4/0, kim 22mm	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 4/0, dài ≥ 85 cm. - Gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, phủ silicone, thân kim hình bán nguyệt cải thiện khả năng chống uốn kim. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	1.800	
25	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 4/0	- Chỉ không tiêu tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi, số 4/0, dài ≥ 85 cm. - Gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm. Độ bền kéo nút thắt 12,7N $\geq 210\%$ so với giới hạn USP. Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series, phủ silicon. - Đóng gói dạng dài. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Tiêu chuẩn CE và CFG-US	36 sợi/ hộp	Sợi	Nhóm nước G7	9.612	
26	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 4/0, kim 17mm	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 4/0, dài ≥ 85 cm. - Gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, phủ silicone, thân kim hình bán nguyệt cải thiện khả năng chống uốn kim. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	1.000	
27	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 8/0, kim 6mm	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 8/0, dài ≥ 60 cm. - Gồm 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 6mm. Kim phủ silicone, thân kim hình bán nguyệt cải thiện khả năng chống uốn kim. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	972	
28	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 8/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene hoặc tương đương số 8/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài ≥ 6.5 mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập) - Đường kính kim: ≤ 0.152 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	828	
29	Chỉ khâu van tim số 2/0, kim 26mm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester hoặc tương đương, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.660 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	60 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	11.640	
30	Chỉ khâu van tim số 2/0, kim 17mm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester hoặc tương đương, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 17mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.660 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	60 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	5.040	
31	Sáp cầm máu xương	Miếng sáp cầm máu xương ≥ 2.5 gram, thành phần: Sáp ong trắng $\geq 70\%$, Paraffin $\geq 15\%$, Isopropyl Palmitate $\geq 10\%$, đóng gói tiệt trùng bằng tia gamma: 1 cái/túi - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 miếng/ hộp	Miếng	Châu Mỹ	2.256	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
32	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, đường kính sợi $\leq 20\mu\text{m}$ bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp hoặc tương đương, trọng lượng $\leq 6.5\text{mg}/\text{cm}^2$ - Kích thước: $10 \times 20\text{cm}$ ($\pm 1\text{cm}$), có tính kháng khuẩn, độ pH thấp ≤ 2.4 . - Độ ẩm khi đóng gói $\leq 2,3\%$ đảm bảo khả năng cầm máu. - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 miếng/ hộp	Miếng	Bắc Mỹ	2.400	
33	Chỉ dệt không kim	Chỉ lụa không tiêu tự nhiên đa sợi số 1 dài $\geq 60\text{cm}$, không kim. - Đạt tiêu chuẩn: ISO và CFS	156 sợi/ hộp	Sợi	Châu Á	36.816	
34	Chỉ không tiêu đơn sợi số 3/0, kim 24mm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamide 6 số 3/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, EC	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	792	
35	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 3/0, kim 26mm	- Chỉ không tiêu đơn sợi được làm từ Polypropylene và Polyethylene, số 3/0, chỉ dài $\geq 90\text{cm}$. - Gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, phủ silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. - Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ thấp và khả năng chống xoắn chỉ cao. - Đạt tiêu chuẩn FDA, EC.	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	216	
36	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp khâu mạch máu 3/0	- Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 3/0, dài $\geq 90\text{cm}$. - Gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. Độ bền kéo nút thắt $17,9\text{N} \geq 190\%$ so với giới hạn USP. Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series, phủ silicon. - Đóng gói dạng dài. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn CE và CFG-US	36 sợi/ hộp	Sợi	Nhóm nước G7	1.152	
37	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương, số 5/0 dài $\geq 75\text{cm}$, 2 kim tròn đầu tròn dài $\geq 13\text{mm}$ 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim $> 2750\text{ Mpa}$ (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập). - Đường kính kim: $\leq 0.356\text{ mm}$. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	1.392	
38	Chỉ không tiêu khâu mạch máu số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 5/0 dài $\geq 90\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt dài $\geq 17\text{mm}$ 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim $> 2750\text{ Mpa}$ (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập). - Đường kính kim: $\leq 0.457\text{ mm}$. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	1.476	
39	Chỉ không tiêu khâu mạch máu số 4/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene hoặc tương đương, số 4/0 dài $\geq 90\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt dài $\geq 20\text{mm}$ 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim $> 2750\text{ Mpa}$. (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập) - Đường kính kim: $\leq 0.457\text{ mm}$. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	12 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	1.800	
40	Chỉ không tiêu đa sợi số 3/0	Chỉ không tiêu đa sợi polyester hoặc tương đương, số 3/0 dài $\geq 75\text{cm}$, 2 kim tròn đầu tròn, dài $\geq 22\text{mm}$ 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim $> 2750\text{ Mpa}$ (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: $\leq 0.559\text{ mm}$. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	1.008	
41	Chỉ thay van tim sợi bền số 2/0, kim 18mm	- Chỉ không tiêu đa sợi polyester bao bằng silicone hoặc tương đương, số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$, gồm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 18mm - Độ bền kéo nút thắt $32.1\text{N} \geq 210\%$ so với giới hạn USP. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series. - Tiêu chuẩn CE và CFG-US	10 sợi/tép 12 tép/Hộp	Sợi	Nhóm nước G7	2.000	
42	Chỉ thay van tim sợi bền số 2/0, kim 25mm	- Chỉ không tiêu đa sợi polyester bao bằng silicone hoặc tương đương, số 2/0, dài $\geq 90\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn dài 25mm. - Độ bền kéo nút thắt $32.1\text{N} \geq 210\%$ so với giới hạn USP. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series. - Tiêu chuẩn CE và CFG-US	10 sợi/tép 12 tép/Hộp	Sợi	Nhóm nước G7	9.000	
43	Chỉ thay van tim sợi bền số 2/0, kim 18mm, có miếng đệm	- Chỉ không tiêu đa sợi polyester bao bằng silicone hoặc tương đương, số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn dài 18mm, miếng đệm $3 \times 5\text{mm}$. - Độ bền kéo nút thắt $32.1\text{N} \geq 210\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 20.8N. Kim làm bằng thép không gỉ 300. - Tiêu chuẩn CE và CFG-US	10 sợi/tép 12 tép/Hộp	Sợi	Nhóm nước G7	4.500	
44	Chỉ thay van tim sợi bền số 2/0, kim 25mm, có miếng đệm	- Chỉ không tiêu đa sợi polyester bao bằng silicone hoặc tương đương số 2/0, dài $\geq 90\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn dài 25mm, miếng đệm $3 \times 7\text{mm}$. - Độ bền kéo nút thắt $32.1\text{N} \geq 210\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 20.8N. Kim làm bằng thép không gỉ 300. - Tiêu chuẩn CE và CFG-US	10 sợi/tép 12 tép/Hộp	Sợi	Nhóm nước G7	3.000	
45	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0, kim 6.4mm	Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi, số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn 6.4mm, 3/8C. Độ bền kéo nút thắt $1,7\text{N} \geq 160\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 1,5N. Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series (thành phần Molybdenum 0,2-10%), phủ silicon. Đường kính kim 0,18 - 0,28mm - Đóng gói Coropak dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn CE và CFG-US	36 sợi/hộp	Sợi	Châu Âu	216	
46	Chỉ thép số 5	Chỉ thép khâu xương ức số 5 bằng thép không gỉ dài $\geq 45\text{cm}$, 01 kim tròn đầu cắt V-40 dài $\geq 48\text{mm}$, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim $> 2750\text{ Mpa}$ (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: $\leq 1.448\text{ mm}$. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	48 sợi/hộp	Sợi	Bắc Mỹ	2.304	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
47	Chỉ thép số 1	- Chỉ thép khâu xương ức số 1 bằng thép không gỉ dài ≥ 45cm. - 01 kim tròn đầu cắt V-37 dài ≥ 40mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 1.270 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	48 sợi/hộp	Sợi	Bắc Mỹ	192	
48	Chỉ thép số 4	- Chỉ thép khâu xương ức số 4 bằng thép không gỉ dài ≥ 45cm - 01 kim tròn đầu cắt dài ≥ 48mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 1.448 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	48 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	384	
49	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactine số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactin 910 hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 70cm, vỏ bọc sợi chỉ Polyglactin 370 + Canxi stearate, kim dài ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày Đạt tiêu chuẩn EC.	36 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	500	
50	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactine số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactin 910 hoặc tương đương số 2/0 dài ≥ 70cm, vỏ bọc sợi chỉ Polyglactin 370 + Canxi stearate, kim dài ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày Đạt tiêu chuẩn EC.	36 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	2.188	
51	Chỉ tiêu tổng hợp polyglactine số 0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 0 dài ≥ 70cm, vỏ bọc sợi chỉ Polyglactin 370 + Canxi stearate, kim dài ≥ 37 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày Đạt tiêu chuẩn EC.	36 sợi/ hộp	Sợi	Châu Âu	2.808	
52	Thiết bị hỗ trợ kẹp một phần động mạch chủ và các trợ cụ đi kèm	* Bộ dụng cụ hỗ trợ kẹp một phần động mạch chủ kèm theo: -Thiết bị Enclose II -Kim: chất liệu thép không gỉ 302 -Công cụ điều chỉnh: Lớp ngoài nhựa ABS -Khoan động mạch chủ 3.5mm hoặc 4.0mm: Tay cầm bằng nhựa ABS, Kim đục lỗ bằng thép không gỉ 302 *Chất liệu bao bì sản phẩm: Copolyester * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và CE và CFG-US	1 cái/ bộ	Bộ	Nhóm nước G7	10	
53	Miếng và mạch máu nhân tạo	Miếng đệm khâu và mạch máu - Chất liệu PTFE - Kích thước: 2.5 cm x 15.2 cm - Độ dày: 1.65 mm	1 Miếng/ 1 hộp	Miếng	Nhóm nước G7	50	
54	Miếng và mạch máu nhân tạo phủ PTFE hình vuông	- Miếng đệm khâu và mạch máu - Chất liệu PTFE - Kích cỡ: 15,2 x 15,2cm - Độ dày thông thường 1,65mm	1 cái/túi	Miếng	Không áp dụng	100	
55	Miếng và màng tim bò cỡ 7x7	- Chất liệu bằng màng tim bò chất lượng cao. Độ dày collagen đồng nhất hoặc tương đương, độ bền kéo đặc biệt, không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt. - Dễ dàng cắt theo hình dạng mong muốn. - Kích thước miếng và 7x7cm - Độ dày từ khoảng 0.25mm đến 0.4mm	1 Miếng / 1 Hộp	Miếng	Châu Mỹ	500	
56	Miếng và màng tim bò 10 x15cm	Chất liệu bằng màng tim bò chất lượng cao. Độ dày collagen đồng nhất hoặc tương đương, độ bền kéo đặc biệt, không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt. - Dễ dàng cắt theo hình dạng mong muốn. - Kích thước miếng và 10 x 15 cm - Độ dày từ khoảng 0.25mm đến 0.4mm	1 Miếng / 1 Hộp	Miếng	Châu Mỹ	10	
57	Miếng và nhân tạo 4x5cm	Miếng và nhân tạo kích thước 4 x 5cm, chất liệu Polyester-Urethane hoặc tương đương, chống thấm tính đàn hồi cao. Đạt tiêu chuẩn EC	2 Miếng/ hộp	Miếng	Liên minh Châu Âu EU	65	
58	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 8mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, cấu trúc dạng sợi polyester dệt 2 lớp, được tẩm nhuộm bởi gelatin bò, dài ≥ 55cm, đường kính 8mm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/Hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	95	
59	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 6mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, cấu trúc dạng sợi polyester dệt 2 lớp, được tẩm nhuộm bởi gelatin bò, dài ≥ 55cm, đường kính 6mm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/Hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	3	
60	Mạch nhân tạo chữ Y, đường kính (16*8) mm	Đoạn mạch nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, dài ≥ 40cm, đường kính (16 x 8)mm Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	22	
61	Mạch nhân tạo chữ Y, đường kính (18*9)mm	Đoạn mạch nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, dài ≥ 40cm, đường kính (18 x 9) mm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	5	
62	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 16mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 16mm, dài ≥ 15cm Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ Hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	5	
63	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 20mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 20mm, dài ≥ 30cm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	20	
64	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 24mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 24mm, dài ≥ 30cm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	25	
65	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 26mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 26mm, dài ≥ 30cm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	65	
66	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 28mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 28mm, dài ≥ 30cm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/Hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	120	
67	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 30mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 30mm, dài ≥ 30cm. Đạt tiêu chuẩn EC.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	60	
68	Mạch máu nhân tạo thẳng 3.5mm x 50cm, không vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, không vòng xoắn, độ dày thành mạch ≥ 0.63mm. Đường kính trong 3.5mm, dài 50cm.	1 chiếc/ Hộp	Chiếc	Châu Âu	2	
69	Mạch máu nhân tạo thẳng 4mm x 50cm, không vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, không vòng xoắn, độ dày thành mạch ≥ 0.63mm. Đường kính trong 4mm, dài 50cm.	1 chiếc/ Hộp	Chiếc	Châu Âu	2	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
70	Mạch máu nhân tạo thẳng 5mm x 50cm, không vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, không vòng xoắn, độ dày thành mạch $\geq 0.63\text{mm}$. Đường kính trong 5mm, dài 50cm.	1 cái/ hộp	Cái	Châu Mỹ	2	
71	Mạch máu nhân tạo thẳng cỡ 6mm x 50cm, có vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, có vòng xoắn, độ dày thành mạch $\geq 0.63\text{mm}$. Đường kính trong 6mm, dài 50cm	1 cái/ Hộp	Cái	Châu Mỹ	1	
72	Ống ghép mạch máu nhân tạo phủ bạc 16x8mm	Mạch máu nhân tạo chữ Y được phủ bạc, dài 40cm, đường kính (16x8) mm. Giảm sự dính của vi khuẩn, hỗ trợ quá trình liền vết thương không biến chứng.	1 cái/ hộp	Cái	Châu Âu	2	
73	Ống ghép mạch máu nhân tạo phủ bạc 18x9mm	Mạch máu nhân tạo chữ Y được phủ bạc, dài 40cm, đường kính (18x9) mm. Giảm sự dính của vi khuẩn, hỗ trợ quá trình liền vết thương không biến chứng.	1 cái/ hộp	Cái	Châu Âu	2	
74	Ống ghép mạch máu nhân tạo phủ bạc 6mm	Mạch máu nhân tạo chữ Y được phủ bạc, dài 60cm, đường kính 6mm. Giảm sự dính của vi khuẩn, hỗ trợ quá trình liền vết thương không biến chứng.	1 cái/ hộp	Cái	Châu Âu	2	
75	Ống ghép mạch máu nhân tạo phủ bạc 8mm	Mạch máu nhân tạo chữ Y được phủ bạc, dài 60cm, đường kính 8mm. Giảm sự dính của vi khuẩn, hỗ trợ quá trình liền vết thương không biến chứng.	1 cái/ hộp	Cái	Châu Âu	2	
76	Keo sinh học dán mô, cầm máu	- Chứa Albumin huyết thanh bò và $\geq 60\%$ nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò $\geq 40\%$ và glutaraldehyde $\geq 10\%$ hoặc tương đương. - Thể tích: $\geq 5\text{ml}$ - Chịu được áp lực hơn 1000mmHg. Đạt độ bền chắc tối đa sau 2 phút	1 tuýp/ hộp	Tuýp	Nhóm nước G7	150	
77	Keo sinh học và mạch máu và màng não và gia cố mô	- Chứa Albumin huyết thanh bò và $\geq 60\%$ nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò $\geq 40\%$ và glutaraldehyde $\geq 10\%$ hoặc tương đương. Áp lực xé $\geq 2215\text{gf/cm}^2$ - Thể tích: $\geq 5\text{ml}$ - Chịu được áp lực hơn 450mmHg.	1 tuýp/ hộp	Tuýp	Châu Mỹ	350	
78	Bộ dụng cụ cố định mạch vành	- Giác hút tự động - Trục tay dài, đầu liền kết nhỏ, lực hút chân không tối đa $\geq (-) 400\text{mmHg}$	1 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	25	
79	Dụng cụ dẫn lưu lòng động mạch vành	- Thân mềm bằng chất liệu silicone hoặc tương đương, đầu nhọn, tag chắn xạ. - Kích thước $\leq 3\text{mm}$	5 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	20	
80	Cannulae gốc động mạch chủ dùng cho mổ mics các cỡ	Cannulae gốc động mạch chủ ít xâm lấn các cỡ 12 ga (9Fr), 14 ga (7Fr), dài $\geq 30\text{cm}$, đầu có vành tiêu chuẩn, cannula có chức năng duy trì quá trình cầm máu khi rút đầu kim ra.	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	300	
81	Cannulae động mạch thẳng	Cannulae động mạch thân dài, một mảnh, chống vặn xoắn chiều dài $\geq 30\text{cm}$, các cỡ từ 18Fr đến 20Fr	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	40	
82	Cannulae truyền động mạch vành các cỡ	Cannulae truyền động mạch vành cỡ 10Fr, 12Fr, 14Fr, trục làm từ thép không gỉ, kết nối bằng luer cái, dài $\geq 15\text{cm}$	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	100	
83	Cannulae gốc động mạch chủ các cỡ	Cannulae gốc động mạch chủ, đầu chắn xạ gắn có kim chọc mạch làm từ thép không gỉ hoặc tương đương. Chiều dài $\geq 14.0\text{cm}$, có tối thiểu các cỡ 12 ga (9 Fr), 14 ga (7 Fr), 16 ga (5Fr)	20 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	120	
84	Cannulae tĩnh mạch thẳng các cỡ 12Fr đến 36Fr	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng đầu thẳng, thiết kế thon dần, nhiều lỗ bên, chống xoắn, có nối 3/8" hoặc 1/2 hoặc 1/4 dài từ 30.5- 40.6 cm, có tối thiểu các cỡ từ 12Fr đến 36Fr.	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	200	
85	Cannulae tĩnh mạch cong các cỡ	Cannulae DLP tĩnh mạch 1 tầng đầu kim loại cong, đầu vát, có nhiều lỗ và thân chống xoắn, có nối 1/4 in -3/8 in dài 35.6 cm các cỡ 12Fr đến 28Fr	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	300	
86	Cannulae động mạch trẻ em các cỡ 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr	Cannulae động mạch trẻ em, đầu vát, một mảnh, chống xoắn, có điểm đánh dấu độ sâu, dài $\geq 22.5\text{cm}$, có tối thiểu các cỡ 6Fr , 8Fr , 10Fr, 12Fr, 14Fr.	5 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	100	
87	Cannulae tĩnh mạch đùi dùng trong mổ nội soi các cỡ	Cannulae tĩnh mạch đùi có thành mỏng giúp tối đa hóa tốc độ dòng chảy, chống vặn xoắn. Các cỡ 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr. Độ dài hiệu dụng thân cannulae trên 60cm	1 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	300	
88	Cannulae động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cánh, các cỡ 15-25Fr	Cannulae động mạch đùi/ tĩnh mạch cánh, các cỡ 15Fr - 25Fr (cụ thể các cỡ: 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr), có thành mỏng và thân chống xoắn linh hoạt, có vòng chỉ chắn xạ, có nối 3/8, dài $\geq 31\text{cm}$, đầu tip $\geq 18\text{cm}$. Nắp silicon và chọc mạch làm từ PVC non-phthalate.	1 cái/ hộp	cái	Bắc Mỹ	450	
89	Cannulae tĩnh mạch 2 tầng	Cannulae tĩnh mạch 2 tầng chống xoắn, đầu có lỗ bên và có đánh dấu độ sâu, cỡ 36/46 Fr, 28/36Fr, 32/40Fr với có nối 1/2 in, chiều dài $\geq 38\text{cm}$	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	60	
90	Cannulae gốc động mạch chủ 4Fr	Cannulae gốc động mạch chủ với đầu chắn xạ, gắn với thân PVC hoặc tương đương, cỡ 4 Fr (18 ga), dài $\geq 6\text{cm}$.	20 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	100	
91	Canuyn bóng ngược dòng	- Cannulae DLP truyền dịch liệt tim ngược dòng bụng thủ công, làm từ silicone, bung thủ công với đường theo đối áp suất. - Kích cỡ 13Fr, 15Fr, chiều dài $\geq 31\text{cm}$.	10 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	50	
92	Bộ dụng cụ dẫn đường động mạch, tĩnh mạch cánh	Bộ dụng cụ dẫn đường động mạch, tĩnh mạch cánh bao gồm: - Dây dẫn đường kính $\geq 0.038"$, chiều dài $\geq 100\text{cm}$, kèm ống tiêm 10cc - Dụng cụ nong mạch - Kim 18ga - Dao mổ số 11	5 bộ/ hộp	cái	Bắc Mỹ	100	
93	Cannula hút trong và ngoài tim các loại các cỡ	- Cannulae có đầu nhiều lỗ. - Đầu cannulae nối với một ống kết thúc bằng co nối 1/4in hoặc 3/8in hoặc 1/2in, các cỡ 12Fr, 20Fr.	20 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	100	
94	Cannula truyền vành loại mềm cho mổ nội soi	Cannula động mạch vành có thân bằng silicon với đầu mềm hình bóng đèn, có kết nối luer cái. Tối thiểu có các cỡ 15Fr, 17Fr. Chiều dài $\geq 25\text{cm}$	20 cái/ hộp	Cái	Châu Mỹ	30	
95	Cannula hút tim trái loại gấp góc	cannula hút tim trái đầu tip có nhiều lỗ làm từ PVC hoặc silicone. Thân thẳng, dễ uốn có marker đánh dấu độ sâu. Các cỡ 10Fr, 13Fr, 15Fr, 20Fr. Chiều dài $\geq 30\text{cm}$	20 cái/ hộp	Cái	Châu Mỹ	200	
96	Cannula hút tim trái có bọc lò xo	Cannula đầu có rãnh, bọc bởi thép không gỉ. Đầu gắn với ống mềm, kết thúc bằng co nối. Cỡ 20Fr, chiều dài $\geq 38\text{cm}$	20 cái/ hộp	Cái	Châu Mỹ	200	
97	Dụng cụ cố định mạch vành dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn	Bộ dụng cụ cố định mạch vành dùng cho phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập ít xâm lấn (MICS CABG): - Bao gồm một trục cứng, liên kết với đầu ổn định mô có thể tháo rời và một khớp gài nối dẻo. - Đầu khớp nhỏ gọn, có khả năng xoay và điều chỉnh linh hoạt - Lực hút chân không tối đa $(-) 400\text{mmHg}$.	1 cái/ hộp	Bộ	Châu Mỹ	10	
98	Bộ thổi khí CO2 làm sạch phẫu trường mạch vành	Dụng cụ thổi CO2 trong mổ mạch vành tim đập, có chức năng phun sương áp lực cao giúp làm sạch, bóc lộ mạch vành khi phẫu thuật. Chất liệu tay cầm bằng PVC. Ống dẫn khí bằng thép không gỉ có thể uốn cong dài $\geq 16,5\text{cm}$ (6.5 in), có tích hợp bộ lọc khí 0,2 micron - vô khuẩn, đầu ống bọc silicon mềm. Bộ ống dẫn chất lỏng có chiều dài $\geq 304,8\text{cm}$, có kẹp và con lăn điều chỉnh tốc độ dòng chảy. Tiêu chuẩn FDA, CE.	1 bộ/ hộp	Bộ	Châu Mỹ	30	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
99	Hệ thống lấy mạch máu bằng phương pháp nội soi	<p>1.1. Dụng cụ tách mạch (Dissector):</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đầu hình nón không gây chấn thương -Bơm CO₂ tại đầu giúp tạo không gian -Dụng cụ bóc tách được bọc bằng vật liệu PTFE giúp giảm ma sát. -Tay cầm công thái học <p>1.2. Dụng cụ lấy mạch (Harvester): Cắt và hàn nhánh mạch</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cơ chế làm sạch ống kính nội soi mà không cần thêm dịch. -Cơ chế đốt: Phương pháp đốt điểm để cầm máu bằng năng lượng điện lưỡng cực. Năng lượng điện lưỡng cực dùng để cắt và hàn mô, giảm tổn thương mô xung quanh. -Có các nút bấm thực hiện các chức năng riêng biệt, linh hoạt trong quá trình sử dụng: -V-keeper: giữ và bảo vệ mạch chính. -V-lock: cố định nhánh mạch để đảm bảo độ căng tối ưu. -V-cutter: cắt và hàn nhánh mạch bằng năng lượng điện lưỡng cực. -V-Cautery Switch: kích hoạt năng lượng điện lưỡng cực một cách chính xác tại vị trí mong muốn để cầm máu. <p>1.3. Trocar:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hỗ trợ vào đường hầm nội soi. -Thiết kế không gây tác nghẽn; -Giảm áp lực lên mạch tại vị trí rạch 	1 bộ/ hộp	Bộ	Châu Mỹ	10	
100	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực	<ul style="list-style-type: none"> - Stent graft bổ sung trong can thiệp động mạch chủ, chất liệu hợp kim nhớ hình. -Màng bọc (Graft): Polyester hoặc tương đương. - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật. 	1 bộ/ hộp	Hộp	Châu Âu	40	
101	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật Maze điều trị rung nhĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị phẫu thuật rung nhĩ bằng sóng cao tần iRF, công nghệ iRF kết hợp dung dịch muối. - Có ống phân phối chất lỏng nước muối chiều dài ≥ 300cm. - Trục thép không gỉ với vỏ bọc silicone/fluoropolymer hoặc tương đương dài 8,0cm, 20cm. 	1 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	100	
102	Kit thử đo độ đông máu	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu ACT Plus	50 test/ hộp	Test	Châu Mỹ	750	
103	Kit thử ACT	Thẻ xét nghiệm ACT cho kết quả xét nghiệm trong vòng ≤ 17 phút	25 test/ hộp	Test	Châu Mỹ	6.000	
104	Đầu nối thẳng (Racord) 2 đầu đực (Male-Male)	Đầu nối thẳng 2 đầu đực dùng để nối 2 đầu chờ của 2 catheter với nhau, chất liệu Polycarbonat hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	Liên minh Châu Âu EU	320	
105	Cannula cắt động mạch	- Ống thông này có một ống polyurethane với một đầu cân phóng xạ hình bóng đèn được nối với một luer. Chiều dài tổng thể 2,3 inch (5,8 cm)	20 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	50	
106	Van động mạch chủ sinh học từ màng ngoài tim bò	<p>Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Elgiloy hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermaFix hoặc tương đương - Vòng khung có thể mở rộng bằng bóng áp lực cao. Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí giữa các lá van - Để van mỏng, chiều cao van thấp - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm - Kích cỡ tối đa ≤ 29 mm. 	Hộp 1 cái	Cái	Đông Nam Á	165	
107	Van động mạch chủ sinh học cao cấp	<p>Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung có thể mở rộng bằng bóng áp lực cao. Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí giữa các lá van. - Để van mỏng, chiều cao van thấp - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm - Kích cỡ tối đa ≤ 29 mm. - Bảo quản khô. 	Hộp 1 cái	Cái	Đông Nam Á	20	
108	Van hai lá sinh học cao cấp	<p>Van hai lá sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn vào một khung van bằng hợp kim Nitinol và vòng khung cobalt- Chromium hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế bất đối xứng - Kích cỡ 25-33mm - Bảo quản khô 	Hộp 1 cái	Cái	Đông Nam Á	10	
109	Van động mạch chủ sinh học	<p>Loại van sinh học động mạch chủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế và chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Cánh van làm từ lá van tim lợn, được kết hợp một lớp màng ngoài tim bò + Vòng van có đánh dấu cân quang + Khung van làm từ FlexFit hoặc Titan hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 19, 21, 23, 25, 27, 29mm 	Hộp 1 cái	Cái	Châu Mỹ	14	
110	Van hai lá sinh học	<p>Loại van sinh học hai lá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế và chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Cánh van làm từ lá van tim lợn, được kết hợp một lớp màng ngoài tim bò + Vòng van có đánh dấu cân quang + Khung van làm từ FlexFit hoặc Titan hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 25, 27, 29, 31, 33mm 	Hộp 1 cái	Cái	Châu Mỹ	44	
111	Van hai lá sinh học từ màng ngoài tim bò	<p>Van hai lá sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đáy van cong kiểu yên ngựa, khung bất đối xứng với phần phía lá trước dày hơn - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermaFix hoặc tương đương - Kích cỡ tối đa ≤ 33mm. 	1 cái/ hộp	Cái	Đông Nam Á	80	
112	Van tim cơ học hai lá tính năng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Van tim nhân tạo cơ học hai lá có cánh van làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương - Góc mở cánh van 78 độ. - Khung van ngoài làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương, khung bên trong được làm bằng Titanium hoặc tương đương - Van hai lá được thiết kế có thể đặt ở bất cứ vị trí nào trên lỗ van (Supra-Annular, Intra-Annular, Sub-Annular). 	1 cái/ hộp	Cái	Nhóm nước G7	171	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
113	Van tim cơ học động mạch chủ tính năng cao	- Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ có cánh van làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương. - Góc mở cánh van 78 độ. - Khung van ngoài làm từ Pyrolite Carbon, khung bên trong được làm bằng Titanium hoặc tương đương. - Van động mạch chủ có thiết kế ngồi trên lỗ van (supra-annular).	1 cái/ hộp	Cái	Nhóm nước G7	168	
114	Van tim cơ học tính năng cao động mạch chủ các cỡ	Loại van tim cơ học động mạch chủ. - Chất liệu khung và cánh van: carbon nhiệt phân tinh khiết pure pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Góc mở cánh van ≥ 90 độ, đầu ra dạng loe. - Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene hoặc tương đương, thiết kế kiểu vòng khâu đa dạng. - Tối thiểu các cỡ: 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, 27/29mm	01 Cái /Hộp	Cái	Nhóm nước G7	168	
115	Van tim cơ học tính năng cao hai lá các cỡ	Loại van tim cơ học hai lá/động mạch chủ. - Chất liệu khung và cánh van: carbon nhiệt phân tinh khiết pure pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Góc mở cánh van ≥ 90 độ, đầu ra dạng loe. - Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene hoặc tương đương, thiết kế kiểu vòng khâu đa dạng. - Tối thiểu các cỡ 25mm, 25/33mm, 27/29mm và 31/33mm	01 Cái /Hộp	Cái	Nhóm nước G7	227	
116	Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh cao cấp	- Van tim nhân tạo, tráng hợp chất Pyrolytic Carbon hoặc tương đương, tương thích sinh học chống huyết khối. - Cánh van mở rộng ≥ 85 độ, tỷ số lỗ hở/ vành $\geq 84\%$ - Vòng van có đánh dấu, có khả năng uốn theo ôm khít vành van cũ. Vòng van và lá van có thiết kế kiểu ngồi trên đường viền van tự nhiên. Chiều cao van thấp. - Có tính cân quang, tương thích khi chụp cộng hưởng từ. - Có nhiều các kích cỡ thích hợp với các bệnh nhân khác nhau, tối thiểu có các cỡ 19,21,23,25,27mm	Hộp/1 cái	Cái	Nhóm nước G7/ Châu Mỹ	85	
117	Van hai lá cơ học, tương thích MRI có khả năng kháng tạo huyết khối	- Cánh van mở rộng đến ≤ 85 độ - Tương thích khi chụp cộng hưởng từ. - Lá van được tráng hợp chất Pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Vòng van có đánh dấu vị trí khâu van. - Có nhiều các kích cỡ thích hợp với các bệnh nhân khác nhau: kích thước vòng van 19, 21, 23, 25, 27, 29, 31, 33mm.	Hộp 1 cái	Cái	Nhóm nước G7/ Châu Mỹ	310	
118	Van tim nhân tạo động mạch chủ kèm đoạn mạch chủ	Loại van tim nhân tạo cơ học kèm đoạn động mạch chủ. - Ống ghép động mạch chủ lên có cấu trúc valsalva mô phỏng cấu tạo hình học xoang. - Van động mạch chủ chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết hoặc tương đương - Góc mở lá van ≥ 90 độ, đầu ra dạng loe. - Vòng khâu làm bằng PTFE hoặc tương đương. - Tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, 27/29mm	Hộp 1 cái	Cái	Châu Mỹ	10	
119	Van tim sinh học kèm đoạn mạch phổi các cỡ	Van tim sinh học kèm ống động mạch phổi chất liệu từ tĩnh mạch cánh của bò - Chiều dài ≤ 10 cm - Có các cỡ số chênh từ 12mm đến 22mm	1 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	30	
120	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ loại không cần khâu	Van tim sinh học động mạch chủ các cỡ, loại không cần khâu có cánh van làm bằng màng ngoài tim bò. Van được phủ Carbofilm. Khung van làm từ hợp kim titan hàn. Độ cao van gồm tối thiểu các loại 31.0, 33.0, 35.5, 36.5mm tương ứng với đường kính thành lỗ van 19-21mm, 21-23mm, 23-25mm, 25-27mm.	1 cái/ hộp	cái	Nhóm nước G7	2	
121	Vòng van tim nhân tạo ba lá loại bán cứng, vòng mở	Vòng van nhân tạo khung lưới sóng 3D, chất liệu titanium hoặc tương đương - Có đánh dấu vị trí mép trước - sau và mép sau - vách. - Cấu trúc vòng mở ở mép trước vách của lá van. - Kích cỡ: từ 24-36mm.	1 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	80	
122	Vòng van tim nhân tạo ba lá loại mềm	- Vòng van ba lá loại mềm - Hình dạng: vòng van ba lá loại hở. - Chất liệu lõi: Silicone hoặc tương đương, được phủ Bari Sulfate có tính cân quang. - Vòng van được phủ Carbofilm hoặc tương đương - Gồm các cỡ (mm): 28, 30, 32, 34.	1 cái/ hộp	Cái	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	80	
123	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại nửa cứng, nửa mềm	- Vòng van hai lá loại nửa cứng nửa mềm - Hình dạng: Vòng van hai lá loại kín, dạng 3D - Chất liệu lõi: được làm bằng hợp kim Nitinol hoặc tương đương - Vòng van được bọc Silicone và vải polyester. Lớp vải polyester được phủ Carbofilm hoặc tương đương. - Có các cỡ (mm): 26, 28, 30, 32, 34, 36	1 cái/ hộp	Cái	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	126	
124	Vòng van nhân tạo ba lá thể mới các cỡ	- Hình dạng: vòng van ba lá loại hở, dạng 3D, vòng cứng. - Chất liệu lõi: Titanium - Vòng van phủ: silicone, bọc bên ngoài bởi vải polyester. - Có tối thiểu các cỡ: 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm	1 Cái/ Hộp	cái	Châu Mỹ	156	
125	Vòng van nhân tạo hai lá thể mới các cỡ	- Hình dạng: vòng van hai lá loại kín, dạng 3D, vòng cứng - Chất liệu lõi: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc nitinol hoặc Cobalt-Chromium - Vòng van bọc silicone hoặc carbofilm hoặc tương đương, bọc bên ngoài bởi vải polyester hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm, 38mm	1 Cái/ Hộp	cái	Châu Mỹ	56	
126	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại bán cứng, vòng khít	Vòng van nhân tạo cong hình yên ngựa, vòng kín, lõi là bốn dải Cobalt-Chromium xen kẽ với các lớp polyester - Hình dạng yên ngựa tối ưu, từ dạng chữ "D" đến hình dạng Oval ở các cỡ tăng dần. - Có ba marker bằng chỉ màu xanh - Tháo tay cầm để dàng với chỉ một nhát cắt. - Kích cỡ từ 24-40mm.	1 cái/ hộp	Cái	Châu Mỹ	195	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
127	Phổi nhân tạo kèm dây cho các hạng cân	<p>Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân dưới 8kg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng máu tối đa: $\leq 800\text{ml/phút}$ - Diện tích bề mặt màng: $\geq 0,34\text{m}^2$ - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: $\geq 0,02\text{m}^2$ - Thể tích bình chứa tĩnh mạch: $\geq 675\text{ml}$ - Thể tích dịch mỗi: $\geq 60\text{ml}$ <p>Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân dưới 20kg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng máu tối đa: $\leq 2300\text{ml/phút}$ - Diện tích bề mặt màng: $\geq 0,64\text{m}^2$ - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: $\geq 0,02\text{m}^2$ - Thể tích bình chứa tĩnh mạch: $\geq 1800\text{ml}$ - Thể tích dịch mỗi: $\geq 105\text{ml}$ <p>Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân người lớn với lưu lượng máu tối đa lên đến $\geq 6000\text{ml/phút}$:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng lọc: $\geq 1,4\text{m}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 6000\text{ml/phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 4500\text{ml}$ - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: $\geq 150\text{ml}$ <p>Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân người lớn với lưu lượng máu tối đa lên đến $\geq 8000\text{ml/phút}$:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng lọc: $\geq 1,75\text{m}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 8000\text{ml/phút}$ - Diện tích phần trao đổi nhiệt: $\geq 0,43\text{m}^2$ - Thể tích bình chứa: $\geq 4500\text{ml}$ - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: $\geq 150\text{ml}$ <p>Bộ dây được bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone hoặc tương đương. Có kèm ống hút, nút nối, cannulae hút được tích hợp sẵn trong bộ dây; được chia làm 2 gói Bộ dây đóng gói theo thiết kế phù hợp với hạng cân.</p>	02 bộ/ thùng	Bộ	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	300	
128	Phổi nhân tạo kèm bộ dây dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt bên trong phủ hợp chất hydrophilic polymer (E8) - Dung tích bình chứa: $\geq 4000\text{mL}$ - Mức vận hành tối thiểu: $\geq 150\text{mL}$ - Thể tích mỗi: $\geq 260\text{mL}$ - Diện tích bề mặt lớp màng: $\geq 1,4\text{m}^2$ - Diện tích bề mặt hệ thống trao đổi nhiệt: $\geq 0,2\text{m}^2$ - Dòng chảy máu tối đa: $\geq 6\text{L/phút}$ - Kèm bộ dây dẫn có đoạn bằng chất liệu PVC, đoạn khác chất liệu Silicone để kết nối với máy tim phổi nhân tạo. 	Hộp 1 bộ	Bộ	Đông Nam Á/ Châu Mỹ	200	
129	Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em cho hạng cân <10kg	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích dịch mỗi: $\leq 250\text{ml}$ - Diện tích màng lọc: $\geq 0,5\text{m}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 1,5\text{lit/phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 1000\text{ml}$ <p>Kèm Bộ dây chất liệu PVC hoặc tương đương để kết nối với máy tim phổi nhân tạo</p>	Hộp 1 bộ	Bộ	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	300	
130	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch cho các hạng cân	<p>1. Phổi nhân tạo dùng cho bệnh nhân dưới 10kg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phin lọc động mạch tích hợp. - Thể tích dịch mỗi: $\leq 260\text{ml}$ - Diện tích màng lọc: $\geq 0,5\text{m}^2$ - Diện tích màng lọc động mạch: $\geq 120\text{cm}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 1,5\text{lit/phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 1000\text{ml}$ <p>2. Phổi nhân tạo dùng cho bệnh nhân trên 10kg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phin lọc động mạch tích hợp. - Thể tích dịch mỗi: $\leq 260\text{ml}$ - Diện tích màng lọc: $\geq 1,5\text{m}^2$ - Diện tích màng lọc động mạch: $\geq 350\text{cm}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 1,5\text{lit/phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 3000\text{ml}$ <p>Kèm Bộ dây chất liệu PVC hoặc tương đương để kết nối với máy tim phổi nhân tạo</p>	Hộp 1 bộ	Bộ	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	800	
131	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch dùng cho người lớn trên 40kg kèm dây dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch, sử dụng công nghệ tạo bó sợi từng lớp. + Thể tích mỗi tĩnh: $\geq 260\text{ml}$ + Diện tích lớp màng: $\geq 1,5\text{m}^2$, có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc $\leq 25\text{micromet}$ + Dung tích bình chứa: $\geq 4500\text{ml}$ + Lưu lượng máu tối đa: 7lit/phút - Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo đi kèm, chất liệu PVC, silicone hoặc tương đương, bao gồm 4 gói: gói dùng trên bơm, gói dùng tại bàn phẫu thuật, gói co nối và gói hút. 	1 bộ/hộp	Bộ	Đông Nam Á/ Châu Mỹ	600	
132	Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho trẻ nhũ nhi	<p>Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn cho bệnh nhi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu màng lọc: Sợi rỗng PAES - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Thể tích máu trong bộ quả lọc: $60\text{ml} \pm 10\%$ - Diện tích màng: $0,2\text{m}^2$ - Tốc độ lọc máu từ 20ml/phút đến 100ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 17ml 	1 quả/túi	Quả	Nhóm nước G7	20	
133	Catheter lọc máu 2 nòng 6,5FR	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter lọc máu 2 nòng sử dụng cho trẻ em - Chất liệu Polyurethane nhạy nhiệt hoặc tương đương - Kích cỡ 6,5Fr, chiều dài $\geq 70\text{mm}$ 	1 bộ/hộp	Cái	Không áp dụng	4	
134	Catheter lọc máu 2 nòng 8,0FR	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter lọc máu 2 nòng sử dụng cho trẻ em - Chất liệu Polyurethane nhạy nhiệt hoặc tương đương - Kích cỡ 8,0Fr, chiều dài $\geq 120\text{mm}$ 	1 bộ/cái	Cái	Không áp dụng	2	
135	Quả lọc máu dùng cho máy tim phổi nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Để kiểm soát sự loãng máu và mức độ hematocrit trong quá trình phẫu thuật tim. - Chất liệu sợi lọc: Polyethersulfone - Đường kính trong sợi lọc: $200\text{ }\mu\text{m}$. - Độ dày thành sợi lọc: $30\text{ }\mu\text{m}$ - Diện tích màng lọc $0,3\text{m}^2$ cho trẻ em và $0,7\text{m}^2$; $0,9\text{m}^2$ cho người lớn - Thể tích dịch mỗi: 21ml cho trẻ em và 49ml, 57ml cho người lớn - Áp lực tối đa: 500mmHg - Dây dẫn kèm túi đựng chất thải. 	25 quả/ 1 hộp	Quả	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	700	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
136	Quả lọc máu cho người lớn và trẻ em	Lọc được các chất Albumin, Myoglobin, Inulin, Vitamin B12. + Tiết diện màng lọc tối thiểu: $\leq 0,3m^2$ cho trẻ em và $\geq 1,1m^2$ cho người lớn + Thể tích dịch mỗi: $\geq 22ml$ cho trẻ em và $\geq 70ml$ cho người lớn + Tốc độ dòng máu tối thiểu 100ml/phút, tối đa 500ml/phút + Áp lực tối đa: $\geq 60kPa$ + Kèm bộ dây dẫn và túi dịch	1 quả/Túi	Quả	Nhóm nước G7	500	
137	Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho người lớn	Quả lọc máu kèm bộ dây dẫn. - Chất liệu sợi lọc AN69HF hoặc tương đương - Thể tích máu: $\leq 160ml$ - Diện tích màng hiệu dụng: $\geq 0,8m^2$ - Thể tích mỗi máu (Chỉ ở quả lọc): $\leq 70ml$ - Tốc độ dòng máu từ ≤ 80 ml/phút đến ≥ 400 ml/phút	4 bộ/ thùng	Bộ	Nhóm nước G7	200	
138	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn cho người lớn	Quả lọc tách huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc ≤ 130 ml - Diện tích màng hiệu dụng $\geq 0,35$ m ² - Chất liệu màng lọc Polypropylene hoặc tương đương - Thể tích máu trong sợi lọc ≤ 50 ml - Tốc độ máu từ ≤ 100 ml/phút đến ≥ 400 ml/phút	4 bộ/ thùng	Bộ	Nhóm nước G7	10	
139	Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục có hấp phụ cytokin và nội độc tố	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Chất liệu: Sợi rỗng AN69 hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Thể tích máu trong quả lọc: ≤ 200 ml - Diện tích màng: $\geq 1,4m^2$ - Tốc độ máu từ ≤ 100 đến ≥ 450 ml/ phút	4 bộ/ thùng	Bộ	Nhóm nước G7	85	
140	Màng trao đổi oxy ECMO dùng cho người lớn	- Thời gian sử dụng phổi tối đa ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu tối đa ≥ 7 lít/phút - Lưu lượng khí tối đa ≥ 14 lít/phút - Thể tích mỗi ≤ 215 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí $\geq 1,8$ m ² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0,4$ m ² - Có kèm dây dẫn	Hộp 1 bộ	Bộ	Nhóm nước G7	20	
141	Bộ phổi ECMO hoàn chỉnh bao gồm dây dẫn máu và đầu bơm ly tâm	Loại phổi ECMO phù hợp với máy tuần hoàn ngoài cơ thể của Terumo - Đóng gói đồng bộ phổi + dây dẫn máu + đầu bơm ly tâm - Tráng chất chống đông - Diện tích màng lọc $\geq 2,5m^2$ - Tổng thể tích mỗi máu: $\leq 650ml$ - Lưu lượng tối đa: ≥ 7 lít/phút	Hộp 1 bộ	Bộ	Nhóm nước G7	32	
142	Màng trao đổi oxy không kèm dây dẫn dùng cho trẻ em dưới 20kg	- Thời gian sử dụng phổi tối đa ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu tối đa $\geq 2,8$ lít/phút - Lưu lượng khí tối đa $\geq 5,6$ lít/phút - Thể tích mỗi ≤ 90 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí $\geq 0,8$ m ² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0,15$ m ² - Phủ chất chống đông máu	Hộp 1 bộ	Bộ	Nhóm nước G7	2	
143	Bộ dây dẫn tuần hoàn dùng cho trẻ em dưới 20 kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn phủ chất chống đông máu gồm 2 đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài: + Đường máu vào ≥ 215 cm + Đường máu ra ≥ 250 cm	Hộp 1 bộ	Bộ	Nhóm nước G7	2	
144	Cannulae tĩnh mạch ECMO các loại các cỡ	- Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng tối đa ≥ 30 ngày - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài $\geq 38cm$	Hộp 1 cái	Cái	Châu Á	70	
145	Cannulae động mạch ECMO các loại các cỡ	- Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng tối đa ≥ 30 ngày - Các cỡ đường kính từ 15 Fr đến 23 Fr, chiều dài $\geq 15cm$	Hộp 1 cái	Cái	Châu Á	70	
146	Cannulae động mạch tĩnh mạch ECMO	Bộ cannulae bao gồm cannulae và dụng cụ mở đường vào mạch máu. - Cannulae có tráng chất chống đông, đường kính ngoài $\geq 5,5mm$; chiều dài $\geq 15cm$ - Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu gồm: 2 que nong dài $\geq 15cm$, cỡ $\geq 8Fr$; dây dẫn đường dài $\geq 80cm$; ống tiêm; dao mổ	1 cái/ hộp	Cái	Nhóm nước G7	60	
147	Bộ dây dẫn đường tĩnh mạch, động mạch	- Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng, dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Chiều dài ≥ 100 cm	Hộp 1 bộ	Bộ	Không áp dụng	105	
148	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 2/0 dài $\geq 70cm$, có chất kháng khuẩn triclosan. 01 kim tròn đầu tròn ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Đường kính kim: ≤ 0.686 mm. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: CFG- FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	1.368	
149	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone hoặc tương đương số 4/0 dài $\geq 70cm$ - 01 kim tròn đầu hình thoi dài ≥ 20 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đường kính kim: ≤ 0.457 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	36	
150	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi số 5/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone hoặc tương đương số 5/0 dài $\geq 70cm$ - 01 kim tròn đầu tròn dài ≥ 13 mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đường kính kim: ≤ 0.305 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	36 sợi/ hộp	Sợi	Bắc Mỹ	36	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
151	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 3/0, kim dài	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 90 cm. - 02 kim tròn đầu tròn dài ≥ 31 mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt, độ bền kéo của kim > 2750 Mpa (độ bền kéo có chứng nhận từ tổ chức độc lập), thân kim có rãnh. - Chỉ được đóng trong khay nhựa để giảm rủi ro chỉ. - Đường kính kim: ≤ 0.660 mm. - Đạt tiêu chuẩn: EC và CFG-FDA	Hộp/12 sợi	Sợi	Bắc Mỹ	300	
152	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp mềm tự tiêu	- Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu, đường kính sợi đồng nhất $\leq 20\mu\text{m}$ bằng cellulose oxy hóa tái tổ hợp hoặc tương đương, trọng lượng ≥ 26.3 mg/cm ² . - Dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra lớp ≥ 10 lớp, cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng. - Kích thước khoảng 2.5 x 5.1 cm. - Có tính diệt khuẩn, độ pH thấp ≤ 2.4 . - Độ ẩm khi đóng gói $\leq 2,3\%$ đảm bảo khả năng cầm máu. - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. - Đạt tiêu chuẩn: CFG-FDA.	Hộp/10 miếng	Miếng	Nhóm nước G7	50	
153	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 18mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, cấu trúc dạng sợi polyester dệt 2 lớp, được tẩm nhuộm bởi gelatin bò, dài 15cm đường kính 18mm. Đạt tiêu chuẩn EC	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	7	
154	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 22mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuộm bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 22mm, dài ≥ 30 cm. Đạt tiêu chuẩn EC	1 chiếc/ hộp	Chiếc	Liên minh Châu Âu EU	15	
155	Cannulae động mạch chủ thẳng các cỡ	Cannulae động mạch chủ thẳng, đầu vát thân trơn dài có các cỡ chần từ 8Fr đến 20Fr với đầu nối 1/4 và 3/8.	20 cái/ hộp	cái	Châu Mỹ	300	
156	Cannulae tĩnh mạch đùi 2 tầng 23/25Fr	- Cannulae tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong phẫu thuật tim nội soi, phẫu trường nhỏ cỡ 23Fr/25Fr. - Độ dài hữu dụng 72.5cm.	01 bộ/ hộp	Bộ	Châu Mỹ	25	
157	Miếng chống dính tổng hợp tự tiêu sử dụng trong phẫu thuật tim	Chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 Kích cỡ: 130x200x0.02mm. Tự tiêu bằng cơ chế thủy phân và chuyển hóa thành CO ₂ + H ₂ O bài tiết ra khỏi cơ thể.	1 miếng/ Hộp	Miếng	Châu Mỹ	20	
158	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại ngắn kèm chốt titan	Bộ dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu, có núm xoay kèm dụng cụ nạp chốt titan thắt chỉ khâu cấy ghép lâu dài trong cơ thể Dụng cụ chiều dài ≤ 17 cm, đường kính thân dụng cụ ≤ 4 mm Tiêu chuẩn chất lượng: FDA	Bộ gồm 2 dụng cụ + 12 nút chỉ	Bộ	Nhóm nước G7	100	
159	Dụng cụ nạp chốt titan vào dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu	Chốt titan thắt chỉ dùng trong phẫu thuật tim mạch, cấy ghép lâu dài trong cơ thể - Có chứng nhận FDA	1 chiếc/ gói, 12 gói/ hộp	Chiếc	Nhóm nước G7	200	
160	Dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp mạch 8Fr-11Fr	- Bề mặt phủ lớp ái nước và đầu tip có đánh dấu can quang. - Có tính năng chốt tự động, với công năng phía bên/van cầm máu và kèm stopcock 3 ngã. - Đường kính từ 8Fr - 11 Fr - Chiều dài từ 80cm - 100cm. - Tiêu chuẩn FDA.	Hộp 2 cái	Cái	Châu Mỹ	10	
161	Dụng cụ giải chỉ cong	- Mỗi dụng cụ giải chỉ gồm 8 cặp khe giải chỉ - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn FDA	3 cái/bộ	Bộ	Không áp dụng	40	
162	Bộ chèn dưới da	Bộ nong dưới da dùng cho cannula ECMO: - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Kích cỡ: + Đường kính 0.097 cm + Chiều dài 100 cm và 150 cm - Chất liệu của các chi tiết: + Ống nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO ₄ + Dây dẫn hướng (guide wire): thép không gỉ + Dao mổ nhỏ: thép không gỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) + Ống bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) + Kim tiêm: thép không gỉ, polyacrylic	Hộp 1 bộ	Bộ	Châu Á	50	
163	Catheter gây tê ngoài màng cứng	Kim đầu cong G18 dài 3 1/4", thân kim có chia vạch. - Catheter bằng polyamid, có đường can quang ngầm, gồm bơm tiêm và kim tiêm thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0,2 micron.	Hộp 10 cái	Cái	Đông Nam Á	2.500	
164	Bóng đối xung động mạch chủ	- Chất liệu catheter: Polyurethane hoặc tương đương - Kích thước tối đa 8Fr - Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường, bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chính, khóa Stopcock ba ngã - Có các kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân, tối đa 40cc - Dây dẫn tương thích: $\geq 0,02$ " - Chiều dài bóng tối đa ≤ 8 "	hộp/bộ	Cái	Nhóm nước G7	100	
165	Bóng đối xung ngược dòng động mạch chủ	- Chất liệu: Polyurethane hoặc tương đương; - Kích thước tối đa 7,5Fr - Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường, bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chính, khóa Stopcock ba ngã - Có các kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân, tối đa 40cc - Dây dẫn tương thích: $\geq 0,025$ " - Chiều dài bóng tối đa ≤ 11 "	hộp/cái	Cái	Nhóm nước G7	120	
166	Bộ lọc máu hoàn hồi	Bộ lọc máu hoàn hồi bao gồm: + Bể bơm ly tâm (bowl): kích cỡ bầu chứa 55ml, 125ml, 175ml, 225ml + Bình thu hồi máu + Phụ kiện vật tư tiêu hao	1 bộ/ hộp	Bộ	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	30	
167	Zaco 1/2-1/2	- Là nút nối thẳng, một đầu kết nối cỡ 1/2", một đầu kết nối cỡ 1/2", không có khóa - Được làm bằng Polycarbonate hoặc tương đương	Hộp 50 cái	Cái	Nhóm G7	150	
168	Zaco 1/4-3/8 có lỗ	- Là nút nối thẳng, một đầu kết nối cỡ 1/4", một đầu kết nối cỡ 3/8", có khóa - Được làm bằng Polycarbonate hoặc tương đương	Hộp 50 cái	Cái	Nhóm G7	50	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
169	Zaco 3/8-3/8 có lỗ	- Là cắt nối thẳng, một đầu kết nối cỡ 3/8", một đầu kết nối cỡ 3/8", có khóa - Được làm bằng Polycarbonate hoặc tương đương	Hộp 50 cái	Cái	Nhóm G7	50	
170	Zaco 1/4-1/4	Cút nối thẳng, một đầu kết nối cỡ 1/4, một đầu kết nối cỡ 1/4, không có khóa. Được làm bằng Polycarbonate	50 cái/ hộp	Cái	Đông Nam Á/ Nhóm nước G7	50	
Tổng cộng: 170 mặt hàng							

